

Số: 75 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 2757/STNMT-ĐGD&BT ngày 30/9/2014, kèm Báo cáo thẩm định số 1020/BC-STP ngày 22/9/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này thay thế các Quyết định: số 07/2010/QĐ-UBND ngày 16/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh; số 11/2011/QĐ-UBND ngày 16/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 16/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh; số 2398/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh hệ số hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm khi thực hiện bồi thường, GPMB khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn 09 xã trong Khu kinh tế Vũng Áng; số 26/2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2009

của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành quy định một số nội dung về làm mới, sửa chữa nhà ở và công trình công cộng trong vùng quy hoạch lòng hồ và khu tái định cư Dự án hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang và các văn bản quy định trước đây trái với quy định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ TN và MT;
- Website Chính phủ;
- Đc Bí thư Tỉnh ủy và các Phó BT Tỉnh ủy;
- TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó VP/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, NL

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

NO



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND
ngày 03 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định cụ thể chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh; để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người được quy định tại Điều 61, Điều 62 và điểm đ, e Khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 2, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP).

2. Khuyến khích người có đất, tài sản thuộc phạm vi thu hồi đất để sử dụng vào các mục đích quy định tại Điều 1 Quy định này tự nguyện hiến, tặng một phần hoặc toàn bộ đất, tài sản cho Nhà nước.

Điều 3. Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được chi trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, chi trả trực tiếp cho đối tượng bị ảnh hưởng và thực hiện theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai và Điều 30 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Trường hợp nhận thay thì phải có giấy ủy quyền được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tổ chức hành nghề công chứng xác nhận theo quy định của pháp luật.

2. Việc chi trả tiền phải thực hiện theo đúng chế độ tài chính quy định hiện hành. Toàn bộ chứng từ liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành.

Điều 4. Giá đất, giá bồi thường thiệt hại về tài sản, ngừng sản xuất kinh doanh khi nhà nước thu hồi đất

1. Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại Mục 3 Chương II, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất (sau đây gọi tắt là Nghị định số 44/2014/NĐ-CP).

2. Đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng trên đất được xác định trên cơ sở đơn giá xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành tại thời điểm tính bồi thường.

Chương II BÔI THƯỜNG HỖ TRỢ VỀ ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Mục 1 BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

Điều 5. Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi

Thực hiện theo quy định tại Điều 74 của Luật Đất đai; diện tích đất thu hồi để lập phương án bồi thường, hỗ trợ là diện tích hiện trạng đang sử dụng hợp pháp được xác định theo: Tờ Trích đo bản đồ địa chính hoặc Tờ trích lục bản đồ địa chính hoặc Tờ trích lục bản đồ địa chính sau khi đã được đo vẽ chính lý theo quy định.

Điều 6. Diện tích, loại đất được bồi thường đối với trường hợp Nhà nước thu hồi thửa đất ở có vườn, ao

1. Trường hợp Nhà nước thu hồi toàn bộ thửa đất thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ về quyền sử dụng đất và quy định tại Điều 103 Luật Đất đai.

2. Trường hợp Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất ở có vườn, ao thì diện tích đất ở được xác định như sau:

a) Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) mà trên giấy tờ đó đã thể hiện rõ phạm vi vị trí đất ở, đất vườn ao thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và vị trí đất ở, đất vườn ao trên thực địa để xác định loại đất cụ thể;

b) Đối với thửa đất đã có giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất nêu tại Điểm a Khoản 2 Điều này mà trên giấy tờ đó không thể hiện rõ phạm vi vị trí

đất ở, đất vườn ao hoặc thửa đất đất mà người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP mà đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 101 Luật Đất đai, các Điều 20, 22, 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì căn cứ chỉ giới thu hồi đất và hiện trạng sử dụng đất có nhà, công trình phục vụ sinh hoạt để xác định diện tích đất ở nhưng không vượt quá diện tích đất ở được công nhận hợp pháp theo quy định, phần diện tích đất còn lại được xác định là đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Luật đất đai.

Điều 7. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Việc phân chia tiền bồi thường về đất cho các đối tượng đồng quyền sử dụng được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Trường hợp có giấy tờ xác định được diện tích của từng đối tượng đang sử dụng đất, thì phương án bồi thường được lập, phê duyệt, chi trả tiền bồi thường cho từng đối tượng.

2. Trường hợp không có giấy tờ xác định diện tích đất thuộc quyền sử dụng riêng của các đối tượng đang sử dụng đất, thì tiền bồi thường về đất cho các đối tượng được xác định trên cơ sở Văn bản thỏa thuận của các đối tượng sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất hoặc Tổ chức hành nghề công chứng xác nhận theo quy định của pháp luật; nếu các đối tượng đang sử dụng đất không thỏa thuận được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi tiền bồi thường về đất của các đối tượng vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước đến khi có sự thống nhất giải quyết thì tiến hành chi trả theo quy định.

Điều 8. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở

Khi Nhà nước thu hồi đất ở thì việc bồi thường về đất thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Đất đai và Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, trong đó:

1. Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một (01) thửa đất ở bị thu hồi, nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở bị thu hồi, thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế quỹ đất của địa phương để bố trí quy hoạch nhưng tối đa không vượt quá hạn mức đất giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để làm nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã,

phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét từng trường hợp cụ thể để giao 01 lô đất ở có thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư theo quy định.

Điều 9. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

2. Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất, nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất đủ điều kiện bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành thì được bồi thường bằng tiền theo thiệt hại thực tế. Mức bồi thường cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định trình cấp có thẩm quyền thẩm định phê duyệt cùng với phương án bồi thường, nhưng tối đa không quá 50% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng.

Riêng đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thì được bồi thường tối đa không quá 30% giá trị đất bồi thường theo mục đích, diện tích đất đang sử dụng bị hạn chế khả năng sử dụng.

Điều 10. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng

1. Đối tượng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại thực hiện theo quy định tại Điều 76 Luật Đất đai;

2. Các khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại; điều kiện xác định và cách tính chi phí đầu tư vào đất còn lại được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 3, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

3. Trường hợp các chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh đã đầu tư vào đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ định mức các khoản chi phí đầu tư vào đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất, hiện trạng và thời gian đã sử dụng để xác định, đề xuất khoản chi phí đầu tư vào đất còn lại trình cơ quan Tài chính (nếu đối tượng sử dụng đất là đơn vị, tổ chức thì trình Sở Tài chính; các đối tượng còn lại trình Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) chủ trì xem xét có ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức bồi thường không quá 50% chi phí đầu tư vào đất còn lại theo mức tính quy định tại Khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP với định mức kinh tế kỹ thuật quy định của pháp luật tại thời điểm thu hồi đất đối với khoản chi phí đó.

4. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp công ích của xã, phường, thị trấn (nhận thầu, nhận khoán hoặc thuê đất công ích) thì được bồi

thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng không quá 30% giá trị đất nông nghiệp cùng loại được bồi thường theo quy định.

Điều 11. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai, Điều 4 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 10 Quy định này.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 do được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác nhưng không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật Đất đai thì chỉ được bồi thường đối với diện tích đất trong hạn mức giao đất nông nghiệp. Đối với phần diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất nông nghiệp thì không được bồi thường về đất nhưng được hỗ trợ khác bằng tiền, mức hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đất nông nghiệp để lập phương án bồi thường về đất, là đất đã được nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân bao gồm đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các loại giấy tờ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hoặc có trong Phương án giao đất, Phương án chuyển đổi ruộng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong trường hợp địa phương đã thực hiện giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích nông nghiệp, nay các hộ gia đình, cá nhân đã thực hiện chuyển đổi ruộng đất trên thực địa theo Nghị quyết số 01/NQ-TU ngày 12/6/2001 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XV và Chỉ thị số 40-CT/TU ngày 26/3/2009 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh nhưng Phương án chuyển đổi ruộng đất chưa phê duyệt thì phải có Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi.

4. Xử lý đối với phần diện tích đất còn lại của thửa đất nông nghiệp sau khi thu hồi đất:

a) Nếu diện tích thửa đất còn lại < 150m² hoặc diện tích thửa đất còn lại không thể tiếp tục sản xuất do hình thể phức tạp, chia thành nhiều phần gây khó khăn trong sản xuất nông nghiệp và người sử dụng đất có đơn đề nghị thu hồi thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xem xét từng trường hợp cụ thể để đề nghị thu hồi và thực hiện bồi thường theo quy định.

b) Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân có diện đất nông nghiệp còn lại tự nguyện trả lại đất để Nhà nước quản lý hoặc thực hiện việc chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân liên kế hợp thành thửa đất mới để tiếp tục sử dụng.

Điều 12. Bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật Đất đai, Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Điều 10 Quy định này.

2. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng thì được bồi thường về đất. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu bồi thường bằng đất cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi thì giao Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt và điều kiện thực tế quỹ đất tại địa phương để xác định diện tích đất được bồi thường nhưng không lớn hơn diện tích đất thu hồi.

Mục 2
BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN,
VỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Điều 13. Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 89 Luật Đất đai. Đối với nhà và công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Khoản 2, Điều 89 Luật Đất đai thì thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, trong đó:

1. Mức bồi thường bằng (=) giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại cộng (+) 50% giá trị chênh lệch giữa giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương và giá trị hiện có của nhà và công trình bị thiệt hại.

2. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành hoặc không áp dụng được bộ đơn giá bồi thường theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Quy định này thì giá trị bồi thường được xác định theo Hồ sơ xây dựng công trình (hồ sơ thiết kế, dự toán, hoàn công, quyết toán công trình), trường hợp không có Hồ sơ xây dựng công trình thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực theo quy định để xác định, trình Sở chuyên ngành thẩm định trước khi trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường.

Điều 14. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà thuộc sở hữu Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) trong quá trình sử dụng đã được phép tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình, nay nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình theo khối lượng thực tế và đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định hiện hành tại thời điểm lập phương án bồi thường.

Điều 15. Bồi thường về di chuyển mồ mã

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Người có mồ mã phải di chuyển được địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bốc, di chuyển, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp theo Đơn giá bồi thường do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.

Trường hợp khi thu hồi đất nghĩa trang, nghĩa địa, nếu Nhà nước không quy hoạch, xây dựng khu nghĩa trang, nghĩa địa để di chuyển mồ mã theo quy định thì người có mồ mã tự lo đất để di chuyển mồ mã được bồi thường chi phí về đất với các mức cụ thể sau đây:

- Tại địa bàn thành phố Hà Tĩnh: 4.000.000 đồng/m²;
- Tại địa bàn thị xã Hồng Lĩnh: 3.000.000 đồng/m²;
- Tại các huyện trong tỉnh: 2.000.000 đồng/m².

2. Đối với trường hợp cá biệt khác, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào tình hình thực tế, lập dự toán cụ thể mức bồi thường trình cơ quan có thẩm quyền xem xét thẩm định phê duyệt.

3. Đối với mồ mã không có thân nhân nhận thì tiền bồi thường được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi để chi phí di chuyển đến nơi chôn cất mới trong vùng quy hoạch nghĩa trang, nghĩa địa và khi tiến hành di dời phải có xác nhận tại hiện trường giữa chủ đầu tư, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Ủy ban nhân dân cấp xã để làm cơ sở chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 16. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Đất đai.

2. Đối với vật nuôi là thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch thì được bồi thường thiệt hại thực tế do phải thu hoạch sớm; trường hợp có thể di chuyển được thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Mức bồi thường cụ thể theo đơn giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trên 1m² diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Trường hợp khi thu hồi trên 50% diện tích của thửa đất (ao nuôi trồng thủy sản) mà tại thời điểm thu hồi đất chưa đến thời kỳ thu hoạch, ảnh hưởng đến toàn bộ diện tích của ao nuôi thì thực hiện bồi thường sản lượng theo quy định cho toàn bộ diện tích thửa đất đó.

Điều 17. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất Thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật Đất đai.

Hộ gia đình, cá nhân; Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư... đang sử dụng đất hợp pháp, khi Nhà nước thu hồi đất, phải di chuyển chỗ ở đi nơi khác thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt:

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là hộ):

- Di chuyển trong phạm vi không quá 1 Km: 2.600.000 đồng/hộ;
- Di chuyển trong phạm vi từ trên 1 Km đến 5 Km: 4.000.000 đồng/hộ;
- Di chuyển trong phạm vi trên 5 Km đến 10 Km: 6.000.000 đồng/hộ;
- Di chuyển trong phạm vi trên 10 Km đến 15 Km: 8.500.000 đồng/hộ;
- Di chuyển trên 15 Km: 12.000.000 đồng/hộ.

2. Đối với Tổ chức, cơ sở tôn giáo, cộng đồng dân cư... được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất. Mức bồi thường căn cứ vào khối lượng, cung độ, giá cước vận chuyển và tính chất của từng loại thiết bị, máy móc, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán chi phí và trình phê duyệt trong phương án bồi thường; trường hợp tài sản, dây chuyền, thiết bị máy móc... có tính chất phức tạp, đặc thù thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được thuê đơn vị tư vấn lập dự toán chi phí, trình Sở quản lý chuyên ngành thẩm định trước khi phê duyệt phương án bồi thường.

Mục 3 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Điều 18. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Trong đó:

1. Mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP như sau:

a) Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì thời gian được hỗ trợ:

- 06 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở;

- 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

- Trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

b) Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì thời gian được hỗ trợ:

- 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở;

- 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở;

- Trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

c) Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại các điểm a và b Khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/01 tháng, theo thời giá trung bình ở địa phương tại thời điểm tính hỗ trợ.

d) Diện tích đất thu hồi quy định tại Điểm a, b Khoản này được xác định theo từng quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, không cộng dồn diện tích đất nông nghiệp đã thu hồi của các quyết định thu hồi đất trước đó và theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất, kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp. Mức hỗ trợ tính theo diện tích đất nông nghiệp được bồi thường 4.000 đồng/m².

3. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó được cơ quan thuế xác nhận.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động. Thời gian trợ cấp bằng 06 tháng.

5. Việc chi trả các khoản tiền hỗ trợ nêu ở Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều này, giao Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào tình hình cụ thể để xây dựng kế hoạch (định kỳ) chi trả, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt trước khi tổ chức chi trả.

Điều 19. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các Điều a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; diện tích được tính hỗ trợ là diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương, cụ thể:

1. Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác:

- Địa bàn thành phố Hà Tĩnh: Mức hỗ trợ tại các xã bằng 3,5 lần, tại các phường bằng 4,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương;

- Địa bàn thị xã Hồng Lĩnh: Mức hỗ trợ tại các xã bằng 2,7 lần, tại các phường bằng 3,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương;

- Đối với các xã, thị trấn thuộc huyện Thạch Hà và xã thuộc huyện Cẩm Xuyên tiếp giáp với ranh giới các phường thuộc thành phố Hà Tĩnh: Mức hỗ trợ bằng 2,7 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương;

- Tại các thị trấn còn lại thuộc các huyện và các xã trong Khu kinh tế Vũng Áng: Mức hỗ trợ bằng 2,4 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương;

- Các khu vực còn lại: Mức hỗ trợ bằng 1,8 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương.

2. Đối với đất lâm nghiệp:

Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất lâm nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương.

3. Trường hợp các hộ bị thu hồi hết (100%) đất nông nghiệp mà phải di chuyển chỗ ở, mức hỗ trợ được tính tối đa đến 05 lần giá đất nông nghiệp, nhưng tối đa không vượt quá 130.000.000 đồng/hộ.

Điều 20. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

Thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của ba năm liền kề trước đó, được Chi cục Thuế cấp huyện nơi có đất thu hồi xác nhận. Mức hỗ trợ này chỉ áp dụng từ khi quy định này có hiệu lực đến khi Thủ tướng Chính phủ có quy định cụ thể về nội dung này.

Điều 21. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Mức hỗ trợ cho địa phương có đất công ích bị thu hồi bằng 70% giá đất nông nghiệp cùng loại do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Điều 22. Hỗ trợ tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mà phải di chuyển chỗ ở

Thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP; trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất còn được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư theo các mức như sau:

- Trường hợp hộ gia đình, cá nhân (gọi tắt là hộ) bị thu hồi diện tích đất ở từ 200m² trở lên đối với khu vực đô thị, từ 300m² trở lên đối với khu vực nông thôn thuộc xã đồng bằng, từ 400m² trở lên đối với khu vực nông thôn thuộc xã miền núi thì mỗi hộ tự lo chỗ ở được hỗ trợ: 100.000.000 đồng/hộ;

- Các trường hợp còn lại thì được hỗ trợ: 50.000.000 đồng/hộ.

Điều 23. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ chi phí di chuyển tài sản với mức 2.000.000 đồng/hộ.

Điều 24. Hỗ trợ khác đối với người sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất

1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải

phóng mặt bằng xem xét báo cáo đề xuất với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng quyết định hỗ trợ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Mức hỗ trợ này tối đa (kể cả chi phí đầu tư vào đất còn lại) không quá 60% mức bồi thường về đất nông nghiệp cùng loại.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng mà việc thu hồi đất thực sự làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người thu hồi đất thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi căn cứ tình hình thực tế tại địa phương xem xét báo cáo cụ thể với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thống nhất mức hỗ trợ phù hợp để ổn định đời sống nhưng không vượt quá 50% của mức hỗ trợ quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 18 Quy định này.

3. Hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức: được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất. Mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 18 Quy định này; được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với diện tích tương ứng số nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức với bình quân diện tích đất thu hồi của hộ gia đình. Mức hỗ trợ áp dụng theo quy định tại Điều 19 Quy định này.

4. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở mà không còn chỗ ở khác thì trong thời gian chờ tạo lập chỗ ở mới (xây dựng nhà ở tại khu tái định cư) được hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm hoặc làm lán trại tạm với mức hỗ trợ: Khu vực nông thôn 800.000 đồng/hộ/tháng; khu vực đô thị 1.200.000 đồng/hộ/tháng. Thời gian được hỗ trợ tính theo thực tế (tùy yêu cầu tiến độ dự án và yêu cầu về công tác bàn giao mặt bằng), nhưng tối đa không quá 06 tháng.

5. Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở, mồ mã mà tự nguyện thực hiện di dời hoàn thành trước 15 ngày theo thông báo của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thì ngoài mức bồi thường, hỗ trợ theo quy định còn được thưởng tiến độ, mức thưởng: Đối với di chuyển nhà ở, công trình kèm theo, mức thưởng 5.000.000 đồng/hộ; đối với mồ mã, mức thưởng 500.000 đồng/ngôi mộ.

Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào tiến độ thời gian di dời nêu trên để ban hành quyết định thưởng đối với các đối tượng thực hiện di chuyển chỗ ở, mồ mã sớm hơn quy định. Kinh phí thưởng được trích từ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án.

6. Hộ gia đình đang hưởng chế độ thương binh, gia đình liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình neo đơn, già cả, đau ốm lâu dài, hộ nghèo được Ủy ban nhân dân xã xác nhận phải di chuyển chỗ ở hoặc thu hồi trên 30% diện tích đất nông nghiệp được giao; ngoài các khoản hỗ trợ quy định, được hỗ trợ thêm như sau:

a) Hộ có 02 thân nhân liệt sỹ, hộ nuôi dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng (còn sống), hộ có ít nhất một thương binh hạng 1/4, bệnh binh hạng 1/4 thì được hỗ trợ 3.000.000 đồng/ hộ;

b) Hộ có một thân nhân liệt sỹ, có ít nhất một thương binh hạng 2/4, bệnh binh hạng 2/4, hộ hưởng chế độ chất độc da cam thì được hỗ trợ 2.500.000 đồng/ hộ;

c) Hộ có thương binh hạng 3/4 hoặc 4/4, bệnh binh hạng 3/4 hoặc 4/4, hộ gia đình có công với cách mạng, hộ gia đình neo đơn, già cả, đau ốm lâu dài, hộ gia đình nghèo, được hỗ trợ 2.000.000 đồng/ hộ.

7. Hộ gia đình sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt nuôi trồng thủy, hải sản có mặt nước bị thu hồi nhưng không được bồi thường; hộ ngư nghiệp, hộ trực tiếp sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp mà phải chuyển đổi nghề nghiệp do di chuyển chỗ ở thì được hỗ trợ như sau: Hỗ trợ thiệt hại đối với những máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ có thể di chuyển nhưng không sử dụng được ở nơi tái định cư như: tàu, thuyền, lưới, ngư cụ đánh bắt, lồng, bè nuôi trồng thủy hải sản, đáy, dăng, nò... đặt cố định tại cửa sông, cửa lạch, phương tiện vận tải đường sông, máy cày, máy xay xát, che ép mía, dụng cụ chế biến hải sản... mức hỗ trợ tối đa bằng 70% giá trị còn lại của máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ đó. Số lượng máy móc, thiết bị, dụng cụ... được hỗ trợ theo số lượng thực tế hộ đang sử dụng.

8. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất đai, tài sản, công trình xây dựng không nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng của dự án nhưng do việc triển khai dự án mà bị ảnh hưởng đến khả năng sử dụng (không được bảo hiểm công trình xem xét bồi thường tổn thất) thì được hỗ trợ như sau:

a) Đối với đất vườn, đất sản xuất nông nghiệp, đồng muối, nuôi trồng thủy sản mà bị ảnh hưởng trong quá trình thi công công trình, nhưng sau khi thi công vẫn sản xuất được thì được hỗ trợ bằng giá trị sản lượng của một hoặc nhiều vụ thu hoạch đối với diện tích, loại đất, thời gian bị ảnh hưởng tương ứng (giá trị sản lượng của một vụ thu hoạch được tính theo năng suất trung bình trong 03 năm trước liền kề của loại cây trồng, vật nuôi tại địa phương theo giá trung bình của nông sản cùng loại tại thời điểm thu hồi đất).

Trường hợp nếu diện tích bị ảnh hưởng không tiếp tục sản xuất được thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề nghị xem xét thu hồi đất và được bồi thường theo quy định.

b) Đối với các công trình của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gần kề công trình thi công tùy vào mức độ hạn chế sử dụng của công trình hoặc bị ảnh hưởng hư hỏng, xuống cấp của công trình (được đánh giá theo tỷ lệ %) bị hư hỏng, xuống cấp của công trình, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất từng trường hợp cụ thể để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định mức hỗ trợ.

9. Trường hợp mượn đất để sử dụng tạm thời trong quá trình thi công công trình thì ngoài việc được bồi thường thiệt hại tài sản trên đất (nếu có) thì:

a) Đối với đất phi nông nghiệp được hỗ trợ thiệt hại bằng mức giá thuê đất hàng năm theo quy định;

b) Đối với đất nông nghiệp được hỗ trợ chi phí cải tạo đất để phục hồi lại đúng trạng thái ban đầu, mức hỗ trợ được tính theo quy định tại Điều 10 Quy định này. Trường hợp không thể phục hồi lại trạng thái ban đầu của đất thì thực hiện thu hồi đất và tính bồi thường theo quy định.

10. Cấp thẻ Bảo hiểm y tế khám chữa bệnh miễn phí trong thời gian 36 tháng cho những người hết độ tuổi lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất phải di dời chỗ ở đến khu tái định cư hoặc tự tái định cư trên địa bàn trong tỉnh (tính từ thời điểm bồi thường) nhưng chưa được hưởng chính sách ưu đãi về khám chữa bệnh theo quy định.

11. Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được công nhận là đất ở và đất vườn, ao có nguồn gốc được tách từ thửa đất có nhà ở, nếu đủ điều kiện để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng tiền với mức hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của thửa đất đó; diện tích hỗ trợ theo diện tích thực tế bị thu hồi; trường hợp diện tích thực tế bị thu hồi lớn hơn 05 lần hạn mức đất ở thì tính tối đa bằng 05 lần hạn mức giao đất ở tại địa phương.

Diện tích đất vườn, ao đã được hỗ trợ theo quy định tại Khoản này thì không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định tại Điều 19 của Quy định này.

12. Ngoài việc hỗ trợ theo các quy định trên, trong trường hợp đặc biệt để bảo đảm ổn định đời sống cho các đối tượng, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Chủ đầu tư và chính quyền địa phương căn cứ vào tình hình thực tiễn và điều kiện cụ thể của dự án để xem xét, thống nhất đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác cho người bị thu hồi đất.

Mục 4 TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 25. Lập và thực hiện dự án tái định cư

Việc lập và thực hiện dự án tái định cư được thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Đất đai và Điều 26 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Quỹ đất xây dựng khu tái định cư phải thuộc Đề án phát triển quỹ đất được duyệt, trường hợp nằm ngoài Đề án thì phải được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận.

Điều 26. Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở

Thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai và Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, trong đó:

1. Suất tái định cư tối thiểu được quy định cụ thể ở các địa bàn như sau:

- a) Tại các phường là 70m²;
- b) Tại các thị trấn và các xã thuộc thị xã Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh là 100m²;
- c) Tại các xã miền núi là 200m²;
- d) Tại các xã còn lại là 150m².

2. Trường hợp có Dự án tái định cư bằng nhà ở thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và Dự án tái định cư nhà ở đã được duyệt để xác định cụ thể suất tái định cư tối thiểu bằng nhà ở.

3. Trường hợp suất tái định cư tối thiểu được tính bằng tiền thì khoản tiền cho suất tái định cư tối thiểu tương đương với giá trị một suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở tại nơi bố trí tái định cư theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Giá nhà ở, giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư: Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và sở ngành, địa phương có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cụ thể.

Chương III TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 27. Về thẩm quyền thu hồi đất, thẩm định và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất

1. Thẩm quyền thu hồi đất.

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai. Trường hợp trong khu vực thu hồi đất có cả đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 66 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

2. Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định tỉnh, chủ trì, phối hợp các Sở: Tài chính, Xây dựng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thẩm định phương án đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất;

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định (tổ thẩm định) cấp huyện, chủ trì phối hợp với các Phòng: Tài chính - kế hoạch, Hạ tầng kinh tế hoặc Quản lý đô thị và các phòng, ban liên quan, chịu trách nhiệm thẩm định các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại (bao gồm những trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đất;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn lại trên địa bàn cấp huyện (bao gồm những trường hợp Ủy ban nhân dân tỉnh đã ủy quyền thu hồi đất quy định tại Khoản 1 Điều này).

4. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện trong cùng một ngày.

Điều 28. Trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai, trong đó:

1. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Quyết định này ban hành thông báo thu hồi đất.

Hồ sơ, nội dung, thời gian thông báo thu hồi đất thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 67 Luật Đất đai, Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 43/2014/NĐ-

CP và Điều 9 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nội dung phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Thời gian thực hiện việc niêm yết, lấy ý kiến phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiếp nhận xử lý ý kiến đóng góp của người dân trong khu vực có đất thu hồi là 20 ngày, kể từ ngày niêm yết.

3. Hồ sơ trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, gồm có:

a) Thông báo thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 Quyết định này;

b) Quyết định thành lập Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

c) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc văn bản chấp thuận dự án đầu tư của cấp thẩm quyền, kèm theo dự án đầu tư;

d) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất thu hồi (đối với khu vực đã có bản đồ địa chính) hoặc trích đo bản đồ địa chính (đối với khu đất thu hồi chưa có bản đồ địa chính) có thể hiện phạm vi thu hồi đất kèm theo Bản vẽ quy hoạch mặt bằng sử dụng khu đất thu hồi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, phê duyệt theo quy định;

đ) Tờ trình của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng về đề nghị thu hồi đất kèm theo Biểu tổng hợp diện tích, loại đất, số thửa, tờ bản đồ, tên chủ sử dụng đất hợp pháp, nguồn gốc sử dụng đất (bản giấy và bản file số theo Phụ lục 04 kèm theo Quy định này) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP (nếu có);

e) Tờ trình kèm theo Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được lập theo Khoản 2 Điều này, kèm theo:

- Biểu tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của các đối tượng bị ảnh hưởng (bản giấy và bản điện tử theo Phụ lục 03 kèm theo Quy định này);

- Chi phí lập, thẩm định và tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng (theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP). Trong đó kinh phí cho hoạt động thẩm định được trích bằng 0,1% tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên một lần thẩm định; mức trích tối thiểu 500.000 đồng và tối đa 20 triệu đồng đối với một lần thẩm định;

- Hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của từng đối tượng bị ảnh hưởng khi thu hồi đất, bao gồm: Biên bản kiểm kê số lượng, khối lượng, giá trị hiện có của tài sản gắn liền với đất bị thiệt hại có chữ ký của Thủ trưởng tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (ký, đóng dấu), chủ hộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (ký, đóng dấu) nơi có đất bị thu hồi, đại diện hộ dân (theo Mẫu số 01 kèm theo Quy định này); biên bản bồi thường thiệt hại có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng, chủ đầu tư (Ban Quản lý Dự án) và đóng dấu theo quy định (theo Mẫu số 02 kèm theo Quy định này); biên bản họp lấy ý kiến trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi và Biên bản niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có xác nhận của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi; đơn tự nguyện tái định cư (đối với trường hợp bị thu hồi đất ở, phải di chuyển chỗ ở mà tự bố trí tái định cư);

- Các tài liệu, văn bản khác liên quan (nếu có).

Hồ sơ theo quy định nêu trên được lập thành 02 (hai) bộ, nộp về cơ quan Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Khoản 2 Điều 27 của Quy định này (gọi tắt là Cơ quan thẩm định) để tổ chức thẩm định.

Thời gian thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tối đa không quá 05 ngày đối với hồ sơ có dưới 50 đối tượng, không quá 10 ngày đối với hồ sơ có từ 50 đến 200 đối tượng và không quá 15 ngày đối với hồ sơ có trên 200 đối tượng (tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định và không kể thời gian chờ bổ sung, sửa chữa hồ sơ (nếu có)).

4. Sau khi thẩm định, Cơ quan thẩm định gửi 1 (một) bộ Hồ sơ về cơ quan Tài nguyên và Môi trường để trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất (trường hợp hồ sơ thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh thì gửi hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường qua Bộ phận giao dịch một cửa; hồ sơ thuộc thẩm quyền thu hồi đất của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì gửi hồ sơ về phòng Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ bao gồm:

- Các văn bản, tài liệu quy định tại Điểm a, b, c, d, đ Khoản 3 Điều này;

- Văn bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Cơ quan thẩm định.

5. Sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng;

Tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt.

6. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Điều 29. Cường chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và cường chế thực hiện quyết định thu hồi đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 70, 71 của Luật Đất đai và Khoản 3, 4, 5, 6 Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Hồ sơ trình ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cường chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc và hồ sơ trình ban hành quyết định cường chế thu hồi đất được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp người bị cường chế không ký xác nhận khối lượng vào biên bản kiểm đếm bắt buộc thì các thành viên trong Ban thực hiện cường chế thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ký xác nhận để làm cơ sở thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 30. Giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, gồm:
 - a) Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện;
 - b) Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
 - c) Tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để thực hiện dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các công trình trọng điểm.
2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm:
 - a) Đại diện Lãnh đạo cơ quan Tài chính - Kế hoạch, Hạ tầng kinh tế hoặc Quản lý đô thị;
 - b) Đại diện Lãnh đạo cơ quan Tài nguyên và Môi trường;

c) Chủ đầu tư;

d) Đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi.;

e) Đại diện của những hộ gia đình bị thu hồi đất (từ một đến hai người);

g) Một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định cho phù hợp với thực tế ở địa phương.

3. Trung tâm Phát triển quỹ đất được giao thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư phải thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do lãnh đạo Trung tâm làm Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là các phòng chuyên môn của Trung tâm và mời thêm các thành phần là cán bộ chuyên môn cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, đại diện chủ đầu tư và các thành viên khác (nếu cần).

4. Thực hiện các dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp huyện hoặc Tổ chức phát triển quỹ đất căn cứ vào tình hình, điều kiện cụ thể, được thuê doanh nghiệp có chức năng và đủ điều kiện để thực hiện một số dịch vụ phục vụ việc lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng

1. Lập, trình thẩm định và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ, sự phù hợp chính sách trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi; gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng người có đất thu hồi tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được phê duyệt; quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng.

2. Hướng dẫn, giải đáp thắc mắc về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, tính chất của từng dự án ban hành quy chế hoạt động riêng (trường hợp cần thiết).

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, Chủ đầu tư trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Tổ chức, hộ gia đình và cá nhân là đối tượng bồi thường, giải phóng mặt bằng, có trách nhiệm:

a) Tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với các cơ quan nhà nước, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và Chủ dự án trong công tác điều tra, khảo sát, đo đạc xác định diện tích đất, thông kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

b) Bàn giao đất cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng đúng thời gian quy định;

c) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ tài chính theo quy định hiện hành;

d) Khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư, người có đất bị thu hồi có trách nhiệm nộp (bản gốc) các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường làm thủ tục thu hồi, chỉnh lý hoặc cấp giấy chứng nhận đối với phần diện tích đất không bị thu hồi.

2. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cung cấp hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan về Dự án cho địa phương và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng; bảo đảm đầy đủ kinh phí để chi trả kịp thời tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp nơi có đất bị thu hồi

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo lập, phê duyệt kế hoạch tổ chức thực hiện, tuyên truyền, vận động mọi tổ chức, cá nhân về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Thành lập, chỉ đạo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cùng cấp lập và tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện phê

duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, các tổ chức và chủ đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng, phương án tạo lập các khu tái định cư tại địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền được giao; ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định thu hồi đất theo quy định;

e) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tiến độ và kết quả giải phóng mặt bằng trên địa bàn; ban hành quyết định thu hồi diện tích đất của các đối tượng thuộc thẩm quyền;

f) Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi cả thửa đất; chỉ đạo chỉnh lý hồ sơ địa chính và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi một phần diện tích của thửa đất theo thẩm quyền; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ gia đình, cá nhân nhận đất tái định cư theo quy định;

g. Tổng hợp báo cáo tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 11 hàng năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai thực hiện kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm và thực hiện nhiệm vụ có liên quan quy định tại Khoản 1 Điều 31 của Quy định này; tổ chức vận động, thuyết phục để người sử dụng đất thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm theo quy định;

b) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chủ dự án, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện công tác kiểm kê đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối hoa màu ... của người bị thu hồi đất, bị ảnh hưởng của dự án tại địa phương mình; xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất, tình hợp pháp của tài sản trên đất cho các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dự án và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận nội dung này;

c) Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo

quy định; bố trí tái định cư cho người bị thu hồi đất và thực hiện việc giải phóng mặt bằng;

d) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, Chủ đầu tư và cơ quan có liên quan thực hiện dự án xây dựng khu tái định cư tại địa phương và giao đất tại khu tái định cư theo quy định; lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân nhận đất tái định cư theo quy định;

đ) Chủ trì tổ chức hoà giải, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo thẩm quyền được giao; phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức việc thực hiện cưỡng chế theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 34. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 27 của Quy định này; chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định đối với việc áp dụng chính sách, bồi thường về đất, sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, chính sách đất đai của phương án tái định cư;

b) Lập kế hoạch định giá đất cụ thể trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành có liên quan xây dựng, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường về đất;

c) Hướng dẫn việc xác định diện tích đất, loại đất, vị trí đất và điều kiện được bồi thường, không được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất;

d) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan tham mưu giải quyết các vướng mắc về chính sách liên quan đến bồi thường về đất, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng nhận đất tái định cư;

e) Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình và kết quả thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại địa phương, trước ngày 01 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Tài chính:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, Ngành và địa phương có liên quan tham mưu giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình gắn liền với đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; về thực hiện nghĩa vụ tài chính của người bị thu hồi đất đối với Nhà nước và các khoản hỗ trợ khác;

b) Tham gia thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 27 của Quy định này và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định: giá các loại đất tính bồi thường, hỗ trợ; các chi phí đầu tư vào đất còn lại; việc áp dụng các chế độ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giá trị bồi thường, hỗ trợ và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án theo quy định;

c) Kiểm tra việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại địa phương.

3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vị trí, quy mô các khu tái định cư phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

b) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính hợp pháp, không hợp pháp của nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường, hỗ trợ theo quy định; việc xác định các công trình xây dựng đủ điều kiện tồn tại hay không đủ điều kiện tồn tại khi Nhà nước thu hồi đất; hướng dẫn giải quyết những vướng mắc trong việc xác định giá, mức bồi thường nhà, công trình, vật kiến trúc, giá bán nhà tái định cư; vướng mắc liên quan đến việc thu hồi nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước cho các tổ chức, cá nhân;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Bảng giá tài sản bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã, tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ, cây cối hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm căn cứ thực hiện;

d) Tham gia thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 27 của Quy định này và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định: khối lượng, giá trị bồi thường nhà cửa, công trình, vật kiến trúc, mồ mã, cây cối, hoa màu; hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các công trình xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội....

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập và thực hiện các dự án tái định cư.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các sở, ngành có liên quan xây dựng đơn giá tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ, cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản ... phục vụ sản xuất nông nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để làm căn cứ thực hiện;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định những nội dung của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan theo chức năng nhiệm vụ (khi cần thiết).

6. Sở Lao động Thương binh và Xã hội:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định;

b) Hướng dẫn Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng về nội dung phương án đào tạo chuyển đổi nghề trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt; hướng dẫn quy định về hộ gia đình nghèo, các đối tượng gia đình chính sách, hộ gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội để hỗ trợ theo quy định.

7. Cục Thuế tỉnh:

a) Xác nhận hoặc chỉ đạo Chi cục Thuế các huyện, thành phố, thị xã xác nhận mức thu nhập sau thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đăng ký kinh doanh phải ngừng sản xuất kinh doanh do bị thu hồi đất để làm cơ sở tính mức hỗ trợ ổn định sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ của hộ gia đình, cá nhân mà phải di chuyển chỗ ở

b) Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xác định việc thu, nộp các khoản nghĩa vụ tài chính liên quan đến diện tích, loại đất thu hồi theo quy định của pháp luật.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định những nội dung của phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư liên quan theo chức năng nhiệm vụ (khi cần thiết).

8. Các sở, ngành liên quan khác: Có trách nhiệm phối hợp, tham gia thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, cưỡng chế đối với những nội dung liên quan thuộc chức năng quản lý Nhà nước của đơn vị mình.

Điều 35. Trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định, Tổ giúp việc

1. Trách nhiệm và hoạt động của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định:

a) Hội đồng thẩm định cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, Hội đồng thẩm định cấp tỉnh được quyền thành lập Tổ giúp việc; Tổ thẩm định cấp huyện do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập; Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định các phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng trình theo quy định.

Thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh, Tổ thẩm định cấp huyện do cơ quan Tài nguyên và Môi trường đề nghị trên cơ sở thống nhất với cơ quan Tài chính và các ngành có liên quan cùng cấp. Thành viên của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh và Tổ thẩm định cấp huyện là những thành viên không tham gia trong Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Hội đồng thẩm định hoặc Tổ thẩm định làm việc theo hình thức kiêm nhiệm, dưới sự điều hành của Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc Tổ trưởng Tổ thẩm định.

- Bộ phận thường trực và nơi làm việc của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh đặt tại Sở Tài nguyên và Môi trường, sử dụng con dấu của Sở Tài nguyên và Môi trường để giao dịch.

- Bộ phận thường trực và nơi làm việc của Tổ thẩm định cấp huyện đặt tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, sử dụng con dấu của Phòng Tài nguyên và Môi trường để giao dịch.

c) Các thành viên của Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định làm việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc Tổ trưởng Tổ thẩm định và chức năng thẩm định của ngành theo quy định tại Điều 34 của Quy định này; mỗi thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Chủ tịch Hội đồng thẩm định, Tổ trưởng Tổ thẩm định về nội dung thẩm định của mình.

d) Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoặc Tổ trưởng Tổ thẩm định có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc Tổ phó Tổ thẩm định trong trường hợp có lý do không điều hành Hội đồng thẩm định hoặc Tổ thẩm định; Phó Chủ tịch Hội đồng hoặc Tổ phó Tổ thẩm định được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng hoặc Tổ trưởng Tổ thẩm định và trước pháp luật về kết quả thẩm định khi được ủy quyền.

đ) Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định chỉ tiến hành thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng khi có đầy đủ hồ sơ thủ tục theo quy định.

2. Trách nhiệm và Hoạt động của Tổ giúp việc:

Hội đồng thẩm định có thể thành lập Tổ giúp việc để thẩm tra hồ sơ, kiểm tra, hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ (có biên nhận) giúp Hội đồng thẩm định thẩm tra hồ sơ, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập và trình; chuẩn bị báo cáo và tổ chức các cuộc họp của Hội đồng thẩm định.

a) Sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định, Tổ giúp việc tiến hành thẩm tra hồ sơ theo trách nhiệm đã được phân công, lập biên bản thẩm tra có đầy đủ chữ ký của các thành viên, dự thảo các văn bản để trình Hội đồng thẩm định xem xét quyết định; các thành viên Tổ giúp việc phải chịu trách nhiệm về tính chính xác,

tính đúng, đủ các chế độ về bồi thường, hỗ trợ theo quy định liên quan đến lĩnh vực được phân công thực hiện trước Chủ tịch Hội đồng thẩm định và trước pháp luật.

b) Trong quá trình thẩm tra hồ sơ, nếu Tổ giúp việc phát hiện vấn đề cần làm rõ hoặc có khiếu nại cần kiểm tra lại thì đề xuất Hội đồng thẩm định cử đại diện hoặc cán bộ chuyên môn đến thực tế công trình, dự án để kiểm tra, xác minh; kế hoạch kiểm tra được Hội đồng thẩm định thông báo trước với Chủ đầu tư và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để cùng phối hợp.

Nội dung số liệu thẩm tra của Tổ giúp việc phải được lập thành văn bản và chịu trách nhiệm trước Hội đồng thẩm định và trước pháp luật về tính chính xác của nội dung thẩm tra.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 36. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt. Trường hợp chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014.

2. Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây:

a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013;

b) Đối với dự án không đủ điều kiện quy định tại Điểm a Khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ra quyết định hủy quyết định thu hồi đất và chỉ đạo các tổ chức, cá nhân liên quan phải dừng thực hiện dự án;


c) Đối với dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thu hồi đất theo tiến độ thì Nhà nước tiếp tục thực hiện thu hồi đất đối với phần diện tích đất còn lại và lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

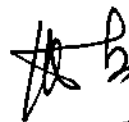
3. Đối với đất sử dụng trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà có nguồn gốc do được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê thì

người có đất thu hồi không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 37. Những nội dung chưa đề cập tại quy định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Đất đai 2013, các Nghị định (số 43, số 44, số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014) của Chính phủ; các Thông tư (số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014, số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014, số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014) của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trong quá trình thực hiện quy định này, trường hợp có vướng mắc, khó khăn, yêu cầu phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp./.


TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

UBND HUYỆN.....
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TĐC DỰ ÁN.....
Số...../BBKD

Phụ lục số 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM Đếm SỐ LƯỢNG
(Dự án.....)

Thực hiện Quyết định số ngày ... tháng ... năm ... của về việc phê duyệt dự án đầu tư; Quyết định số/..... ngày .../.../... của Ủy ban nhân dân huyện về việc thành lập Hội đồng (Ban chuyên trách...) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án đầu tư xây dựng công trình.....

Căn cứ Thông báo số/TB-UBND ngày ... tháng ... năm của Ủy ban nhân dân về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày .../.../... Hội đồng bồi thường tiến hành kiểm đếm số lượng đất, tài sản, vật kiến trúc, mồ mã, cây cối, hoa màu của:

Hộ ông (bà); cá nhân hoặc Tổ chức^(*):

Số CMND (hoặc Sổ hộ khẩu): ... Do công an.....cấp ngày...tháng...năm...

Địa chỉ: số nhà đường xóm, xã (phường, thị trấn), huyện (thành phố, thị xã)

Đối tượng chính sách:

I. Đất đai:

| TT | Số thửa | Số Tờ BD | Diện tích thu hồi (m ²) | | | Loại đất | Địa chỉ thửa đất | Vị trí tính giá đất | Nguồn gốc (thời điểm sử dụng đất hợp pháp, các giấy tờ sử dụng đất kèm theo) | Ghi chú |
|-----|---------|----------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------|------------------|---------------------|--|---------|
| | | | Tổng | Trong mốc GPMB | Ngoài mốc GPMB | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | |

- Diện tích đất nông nghiệp được giao theo quy định tại Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) m² (chỉ thực hiện cho trường hợp là hộ gia đình, cá nhân);

Tỷ lệ % so diện tích đất nông nghiệp thu hồi so với diện tích đất nông nghiệp được giao:%. (để thực hiện Điều 18 hoặc Khoản 2 Điều 24 Quy định này).

- Số lượng nhân khẩu sản xuất nông nghiệp (áp dụng cho các trường hợp thu hồi đất nông nghiệp) nhân khẩu.

.....

II. Nhà cửa, vật kiến trúc:

| TT | Loại công trình, quy cách | Đơn vị tính | Khối lượng | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-------------|------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

III. Cây cối, hoa màu:

| TT | Tên, chủng loại | Đơn vị tính | Số lượng | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------|----------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| ... | | | | |

IV. Các loại tài sản khác:

.....
V. Ý kiến khác của hộ gia đình, cá nhân hoặc tổ chức bị ảnh hưởng và của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

.....
 Biên bản đã được đại diện hộ gia đình, Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chủ Đầu tư Dự án (nếu có) và UBND cấp xã thống nhất ký tên.

Biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ một bản./.

HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HT, TĐC

ĐD. HỘ GIA ĐÌNH; CÁ NHÂN

Thành viên Chủ tịch HĐ

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

UBND XÃ.....

ĐẠI DIỆN THÔN, XÓM

CB địa chính Chủ tịch UBND xã

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: Tại Mục tên Tổ chức^(*): Ghi tên tổ chức bị ảnh hưởng; Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị; giấy đăng ký kinh doanh, số tài khoản, địa chỉ

UBND HUYỆN.....
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ
TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ.....
Số...../BBAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ÁP GIÁ BỒI THƯỜNG

(Dự án.....)

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số .../2014/QĐ-UBND ngày .../10/2014 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định (hoặc Văn bản) số/QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành Giá các loại đất để thực hiện Dự án

Căn cứ Quyết định số/.../QĐ-UBND ngày .../.../... của UBND tỉnh về Ban hành Bộ đơn giá bồi thường các loại nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã; tàu thuyền, máy móc thiết bị, nông cụ, ngư cụ; cây cối, hoa màu và nuôi trồng thủy hải sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh năm

Căn cứ Quyết định số .../... ngày .../.../... của UBND huyện về việc thành lập Hội đồng (Ban chuyên trách...) bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án....;

Căn cứ Biên bản kiểm đếm số/BBKĐ ngày .../.../... và

Hôm nay, vào hồigiờ, ngày .../.../... Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tiến hành áp giá bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất, số lượng tài sản của:

Hộ ông (bà); cá nhân hoặc Tổ chức:

Số CMND (hoặc Số hộ khẩu): ... Do công an ... cấp ngày...tháng...năm...

Số nhân khẩu:.....

Địa chỉ: số nhà....., đường.....xóm....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thành phố, thị xã).....

Đối tượng chính sách:

| TT | Nội dung | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền | Ghi chú |
|-----------------------------------|----------|-------------|----------|---------|------------|---------|
| I. Đất đai | | | | | | |
| 1. | | | | | | |
| 2. (...) | | | | | | |
| II. Nhà cửa, vật kiến trúc | | | | | | |
| 1. | | | | | | |
| 2. (...) | | | | | | |
| III. Cây cối, hoa màu | | | | | | |
| 1. | | | | | | |
| 2. (...) | | | | | | |
| IV. Mô mã | | | | | | |
| (...) | | | | | | |
| V. Chế độ hỗ trợ | | | | | | |
| 1. | | | | | | |
| 2. (...) | | | | | | |
| Tổng | | | | | | |

Thành viên Hội đồng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch HĐ
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ
(Nếu có)

TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

DỰ ÁN:.....

ĐOẠN/HẠNG MỤC:.....

(Kèm theo Tờ trình số..... ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư huyện.....)

| TT | Họ và tên | Địa chỉ | DT thu hồi (ĐVT: m ²) | | | Giá trị bồi thường (ĐVT: đồng) | | | | | | Giá trị hỗ trợ (ĐVT: đồng) | | | | Tổng giá trị BT, HT (ĐVT: đồng) | Ghi chú | | |
|-------------|-----------|---------|-----------------------------------|------------|-------------|--------------------------------|---------------------|---------|------------------------|------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----|-----------|---------------------------------|---------|-----------|--|
| | | | Đất ở (*) | Đất NN (*) | Đất ... (*) | Đất | | | Nhà cửa, vật kiến trúc | Cây cối, hoa màu | Hỗ trợ chuyển đổi nghề | Hỗ trợ di chuyển | Hỗ trợ khác (ghi rõ nội dung hỗ trợ) | ... | Tổng tiền | | | | |
| | | | | | | Đất phi nông nghiệp ... | Đất nông nghiệp ... | Đất ... | | | | | | | | | | Tổng tiền | |
| 1 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú: () Diện tích thu hồi tổng hợp chi tiết theo từng loại đất tại biên bản kiểm kê và biên bản áp giá bồi thường, hỗ trợ.*

HỘI ĐỒNG BT, HT, TĐC HUYỆN.....

BAN QLDA hoặc CHỦ ĐẦU TƯ (Nếu có)

CB tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Chủ tịch Hội đồng
(Ký, tên, đóng dấu)

CB theo dõi
(Ký, ghi rõ họ và tên)

Lãnh đạo Ban
(Ký, tên, đóng dấu)